

**PHỤ LỤC 2**  
**DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỐC CHƯƠN TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ**  
**TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí dự kiến	Trong đó:				
						Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU SỐ TÍCH HỢP THÔNG TIN TÀI SẢN TRÍ TUỆ (TSST) TỈNH HUNG YÊN</b>				<b>7.100</b>	<b>850</b>	<b>6.550</b>			
<b>1</b>	<b>Nhà máy và xây dựng bảo cáo thường niên về phát triển TSST trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</b>				<b>550</b>	<b>550</b>				
1.1	Thu thập dữ liệu nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp từ các cơ quan, đơn vị có liên quan	Gói	1	350	350	350				
1.2	Phân tích nguồn dữ liệu, đánh giá thực trạng về tình hình phát triển TSST trên địa bàn tỉnh	Gói	1	100	100	100				
1.3	Đề xuất định hướng giải pháp	Gói	1	55	55	55				
1.4	Tổ chức hội nghị công bố kết quả	HN	1	45	45	45				
<b>2</b>	<b>Số hóa và chuẩn hóa thông tin TSST chủ lực của tỉnh để xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin quản lý và khai thác TSST thuộc tỉnh Hưng Yên</b>				<b>2.000</b>	<b>2.000</b>				
2.1	Phân loại dữ liệu IP (Nhân hiệu, sáng chế/GPHI; CDDL, NHCN, NHHT; ...)	Gói	1	800	800	800				
2.2	Làm sạch dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu	Gói	1	600	600	600				
2.3	Kiểm định, chuẩn hóa dữ liệu	Gói	1	600	600	600				
<b>3</b>	<b>Xây dựng module thông tin TSST tỉnh Hưng Yên (IP Hưng Yên) có thể tích hợp vào cơ sở dữ liệu của IPVIETNAM (do Cục SHTT quản lý); và Cổng Thông tin KHCN Việt Nam</b>				<b>2.550</b>	<b>0</b>	<b>2.550</b>			
3.1	Phân tích hệ thống	Gói	1	500	500	500				
3.2	Xây dựng module thông tin TSST tỉnh Hưng Yên (IP Hưng Yên)	Gói	1	1.500	1.500	1.500				
3.3	Kết nối dữ liệu IPVIETNAM	Gói	1	300	300	300				
3.4	Vận hành thử nghiệm	Gói	1	250	250	250				
<b>4</b>	<b>Nghiên cứu thí điểm ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc cho hàng hóa gắn với CDDL/NHHT/NHCN thuộc tỉnh Hưng Yên.</b>				<b>2.000</b>	<b>2.000</b>				
4.1	Nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn sản phẩm để thực hiện truy xuất nguồn gốc	Gói	1	300	300	300				
4.2	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Gói	1	300	300	300				
4.3	Tích hợp dữ liệu truy xuất nguồn gốc	Gói	1	200	200	200				
4.4	Thí điểm ứng dụng truy xuất nguồn gốc	Gói	1	900	900	900				
4.5	Đào tạo vận hành thử nghiệm hệ thống	Khóa	3	100	300	300				
<b>II</b>	<b>TẠO LẬP THƯƠNG HIỆU TỈNH HUNG YÊN</b>				<b>11.050</b>	<b>1.500</b>	<b>9.550</b>			
<b>1</b>	<b>Khảo sát, nghiên cứu thương hiệu vùng; Điều tra, khảo sát nhận thức thương hiệu Hưng Yên trong, ngoài tỉnh; Phân tích SWOT thương hiệu Hưng Yên; Xây dựng bản đồ định vị thương hiệu (brand positioning map) so sánh với các tỉnh lân cận (Bắc Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, ...)</b>				<b>2.400</b>	<b>1.500</b>	<b>900</b>			
1.1	Xây dựng phương án và thực hiện khảo sát thu thập thông tin	Gói	1	750	750	750				
1.2	Đánh giá thực trạng, so sánh các tỉnh lân cận, đánh giá điểm mạnh điểm yếu của thương hiệu	Gói	1	750	750	750				
1.3	Nghiên cứu xu thế phát triển, xây dựng chiến lược thương hiệu tỉnh Hưng Yên	Gói	1	400	400	400				
1.4	Xây dựng bản đồ định vị thương hiệu	Gói	1	500	500	500				
<b>2</b>	<b>Xác định giá trị cốt lõi, Chiến lược thương hiệu tỉnh; Xác định giá trị cốt lõi, tầm nhìn – sứ mệnh thương hiệu tỉnh; Xây dựng tuyên ngôn thương hiệu và chiến lược định vị thương hiệu tỉnh Hưng Yên; Tổ chức hội thảo chuyên gia, tọa đàm doanh nghiệp – nhà khoa học nhằm nhận định giá trị nổi trội và lợi thế cạnh tranh của Hưng Yên</b>				<b>1.210</b>	<b>1.210</b>				
2.1	Xác định giá trị cốt lõi, tầm nhìn – sứ mệnh thương hiệu tỉnh	Gói	1	580	580	580				
2.2	Xây dựng tuyên ngôn thương hiệu và chiến lược định vị thương hiệu tỉnh Hưng Yên	Gói	1	450	450	450				
2.3	Tổ chức hội thảo chuyên gia, tọa đàm doanh nghiệp - nhà khoa học nhằm nhận định giá trị nổi trội và lợi thế cạnh tranh của Hưng Yên.	Hội thảo/tọa đàm	3	60	180	180				
<b>3</b>	<b>Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu tỉnh (biểu tượng); Thiết kế logo - slogan; Hướng dẫn ứng dụng nhận diện thương hiệu trên: biển bảng, pano, ấn phẩm truyền thông, website, backdrop sự kiện, quà tặng, đồng phục, phương tiện công cộng; Tổ chức hội nghị góp ý, lựa chọn mẫu chính thức, hoàn thiện hồ sơ chuẩn hóa, ...</b>				<b>3.350</b>	<b>0</b>	<b>3.350</b>			
3.1	Nghiên cứu thiết kế hiện trạng thương hiệu tỉnh thông qua: Khảo sát thu thập thông tin; Nghiên cứu chiến lược tiếp thị thương hiệu...	Gói	1	200	200	200				
3.2	Nghiên cứu mô hình chiến lược thương hiệu địa phương điển hình	Gói	1	100	100	100				
3.3	Áp dụng mô hình SWOT; Dựa trên số liệu, báo cáo của địa phương tin cậy mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của địa phương trong việc xây dựng hình ảnh của tỉnh	Gói	1	100	100	100				
3.4	Xây dựng ý tưởng thiết kế	Gói	1	150	150	150				
3.5	Khảo sát, tổng hợp ý kiến đánh giá mức độ phù hợp nhận diện ý tưởng	Gói	1	50	50	50				
3.6	Thiết kế logo nhận diện thương hiệu	Gói	1	250	250	250				
3.7	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu cho các lĩnh vực (Văn hóa thể thao và du lịch; Lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp và nhận diện cho một trường đại học)	Gói	1	2.500	2.500	2.500				
<b>4</b>	<b>Xác lập và bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ; Chuẩn bị hồ sơ đăng ký NHCN "Hưng Yên" tại Cục Sở hữu trí tuệ (các nhóm ngành: nông sản - thực phẩm - du lịch ...); xây dựng mô hình quản lý và hệ thống văn bản quản lý</b>				<b>890</b>	<b>0</b>	<b>890</b>			
4.1	Xác định chủ sở hữu và danh mục đăng ký NHCN	Gói	1	100	100	100				
4.2	Xác định khu vực địa lý và xây dựng bản đồ sản xuất kinh doanh sản phẩm mang NHCN. Xin phép sử dụng địa danh và bản đồ khu vực địa lý tỉnh Hưng Yên	Gói	1	100	100	100				
4.3	Xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp chứng nhận	Gói	1	300	300	300				
4.4	Xây dựng Mô tả tóm tắt sản phẩm, dịch vụ mang NHCN	Gói	1	100	100	100				
4.5	Xây dựng quy chế sử dụng NHCN	Gói	1	80	80	80				
4.6	Lấy ý kiến góp ý tài liệu nộp đơn đăng ký NHCN	Gói	1	60	60	60				
4.7	Hoàn thiện hồ sơ, nộp và theo đuổi đơn đăng ký NHCN tại Cục SHTT; Xử lý đối chứng trong quá trình nộp đơn (nếu có)	Gói	1	150	150	150				
<b>5</b>	<b>Quản lý và khai thác thương hiệu tỉnh; Xây dựng quy chế quản lý và cấp quyền sử dụng thương hiệu tỉnh; Đề xuất cơ chế thu phí – tài đầu tư thương hiệu, mô hình giám sát và kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ gắn nhãn "Hưng Yên"; Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, HTX về quản trị và khai thác thương hiệu vùng</b>				<b>1.400</b>	<b>0</b>	<b>1.400</b>			
5.1	Xây dựng mô hình quản trị thương hiệu	Mô hình	1	170	170	170				0
5.2	Xây dựng quy chế quản lý và cấp quyền sử dụng thương hiệu tỉnh	Gói	1	180	180	180				0
5.3	Đề xuất cơ chế thu phí – tài đầu tư thương hiệu, mô hình giám sát và kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ gắn nhãn "Hưng Yên"	Gói	1	500	500	500				0
5.4	Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, HTX về quản trị và khai thác thương hiệu vùng	Khóa	5	110	550	550				0
<b>6</b>	<b>Truyền thông, quảng bá thương hiệu tỉnh; Xây dựng kế hoạch truyền thông đa kênh (báo chí, truyền hình, mạng xã hội, website, sự kiện, quảng bá trong và ngoài tỉnh); Tổ chức Lễ công bố thương hiệu tỉnh Hưng Yên và trưng bày bộ nhận diện; Thiết kế video clip, brochure, poster, ấn phẩm truyền thông điện tử</b>				<b>1.800</b>	<b>0</b>	<b>1.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
6.1	Xây dựng kế hoạch truyền thông đa kênh	Gói	1	50	50	50				0
6.5	Xây dựng clip,... quảng bá, truyền thông thương hiệu	Gói	1	250	250	250				0
6.3	Thực hiện truyền thông quảng bá qua các nền tảng xã hội, truyền thông báo chí, truyền hình...vv	Gói	1	1.500	1.500	1.500				0
<b>III</b>	<b>TẠO LẬP VÀ QUẢN LÝ CÁC SẢN PHẨM ĐẶC SẢN ĐỊA PHƯƠNG, SẢN PHẨM CHỦ LỰC, SẢN PHẨM OCOP TIÊU BIỂU CỦA TỈNH DƯỚI HÌNH THỨC NHHT VÀ NHCN</b>				<b>27.500</b>	<b>2.700</b>	<b>5.900</b>	<b>5.400</b>	<b>5.400</b>	<b>8.100</b>
<b>1</b>	<b>Khảo sát thông tin ban đầu, nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng sản phẩm nông sản và vùng sản xuất. Đề xuất phương án tổng thể cho việc tạo lập, quản lý và khai thác phát triển các nhận diện và công đồng dự kiến được tạo lập. Xây dựng quy chế quản lý nhận diện cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</b>				<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>500</b>	<b>500</b>		<b>0</b>
2	Nghiên cứu, xây dựng cơ sở khoa học cho việc lập hồ sơ đăng ký đăng ký bảo hộ NHCN/NHHT	Sản phẩm	30	600	18.000	2.200	3.600	3.600	3.600	5.000
3	Xây dựng một số công cụ quản lý, quảng bá, NHCN/NHHT	Gói	1	5.500	5.500	1.200	1.200	1.200	1.200	1.900
4	Thí điểm nhận rộng mô hình khai thác sử dụng nhận diện cộng đồng	Gói	1	3.000	3.000	600	600	600	600	1.200
<b>IV</b>	<b>TẠO LẬP VÀ QUẢN LÝ CDDL CHO SẢN PHẨM CÓ TÍNH ĐẶC THÙ CỦA TỈNH</b>				<b>3.750</b>	<b>2.100</b>	<b>1.050</b>	<b>0</b>	<b>600</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Khảo sát, thu thập và đánh giá hiện trạng sản xuất – tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>Gói</b>	<b>1</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>300</b>				
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu cơ sở khoa học, xác định danh tiếng và chất lượng đặc thù của sản phẩm</b>				<b>1.800</b>	<b>1.800</b>				
2.1	Thu thập, nghiên cứu xác định chỉ tiêu đánh giá thương hiệu sản phẩm	Gói	1	800	800	800				
2.2	Xác định yếu tố về môi trường, điều kiện tự nhiên khí hậu, con người tác động chất lượng sản phẩm	Gói	1	600	600	600				
2.3	Tổng hợp, nghiên cứu báo cáo đánh giá chi tiêu chất lượng, tính chất chất lượng đặc thù sản phẩm mang đặc thù	Gói	1	100	100	100				
2.4	So sánh tính chất chất lượng sản phẩm mang CDDL và sản phẩm khu vực đối chứng	Gói	1	300	300	300				
<b>3</b>	<b>Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ chi đầu địa lý nộp tại Cục SHTT</b>				<b>450</b>	<b>0</b>	<b>450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1	Xác định chủ sở hữu và sản phẩm đăng ký CDDL	Gói	1	40	40	40				0
3.2	Xây dựng bản mô tả dùng cho sản phẩm mang CDDL	Gói	1	100	100	100				0
3.3	Tổng hợp thông tin về khu vực địa lý mang CDDL; Biên tập và số hóa bản đồ; Xin phép UBND tỉnh cho phép sử dụng tên địa danh và bản đồ khu vực địa lý	Gói	1	160	160	160				0
3.4	Tra cứu đánh giá khả năng đăng ký, đề xuất phương án xử lý đối chứng (nếu có)	Gói	1	50	50	50				0
3.5	Tổ chức lấy ý kiến góp ý hồ sơ CDDL	Gói	1	50	50	50				0
3.6	Thực hiện nộp đơn và đăng ký CDDL tại Cục SHTT	Gói	1	50	50	50				0
<b>4</b>	<b>Thiết lập hệ thống quản lý và công cụ quảng bá cho sản phẩm mang CDDL</b>	<b>Gói</b>	<b>1</b>	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>0</b>
<b>5</b>	<b>Khai thác và phát triển CDDL</b>	<b>Gói</b>	<b>1</b>	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>0</b>
<b>V</b>	<b>HỒ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ Ở NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI CDDL "HUNG YÊN" CHO SẢN PHẨM NHÃN LÔNG TẠI CHÂU ÂU THÔNG QUẢ EVFTA</b>				<b>6.500</b>	<b>1.500</b>	<b>4.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Xây dựng nội dung chương trình kế hoạch ghi Cục Sở hữu trí tuệ để nghị bổ sung CDDL "Hưng Yên" cho sản phẩm nhãn lông và danh mục CDDL để nghị bảo hộ tại EU (theo hình thức bảo hộ tự động/ bảo hộ đương nhiên) (để đưa vào danh sách "chợ" được xem xét khi có hướng dẫn chính thức của Chính Phủ về quy trình triển khai thu tục tiếp nhận thông tin, đưa vào danh sách các CDDL được đề nghị bảo hộ tại EU theo EVFTA)</b>				<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>			<b>0</b>
2	Theo dõi quá trình Chính phủ xây dựng, tham gia góp ý, hoàn thiện đến khi ban hành Hướng dẫn cụ thể về quy trình thu tục tiếp nhận thông tin, đưa vào danh sách các CDDL được đề nghị bảo hộ tại EU theo EVFTA ("Văn bản Hướng dẫn")	Gói	1	500	500	500				0
3	Chuẩn bị tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Văn bản Hướng dẫn; làm việc với Cục Sở hữu trí tuệ/Bộ Công Thương/ cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện hồ sơ cần thiết theo yêu cầu	Gói	1	3.000	3.000	3.000				0
4	Theo dõi quá trình nhóm công tác về hồ sơ trí tuệ của Việt Nam và EU làm việc bổ sung các CDDL được đề xuất bảo hộ theo hình thức bảo hộ tự động/bảo hộ đương nhiên theo EVFTA	Gói	1	2.000	2.000	1.000	1.000			0
<b>VI</b>	<b>HỒ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ Ở NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHCN/NHHT TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ</b>				<b>11.000</b>	<b>0</b>	<b>5.500</b>	<b>5.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Nghiên cứu quy định pháp luật; tra cứu, đánh giá khả năng bảo hộ và chuẩn bị hồ sơ đăng ký bảo hộ các NHCN/NHHT tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ nước ngoài có khả năng đăng ký bảo hộ thành công</b>				<b>3.000</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1.1	Nghiên cứu quy định pháp luật vùng quốc gia lãnh thổ dự kiến đăng ký bảo hộ	Gói	1	400	400	200	200			0
1.2	Tra cứu đánh giá khả năng đăng ký bảo hộ, dự kiến phương án xử lý đối chứng (nếu có)	Gói	1	1.000	1.000	500	500			0
1.3	Xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ đảm bảo khả năng đăng ký bảo hộ đến từng quốc gia	Gói	1	600	600	300	300			0
1.4	Thuê luật sư/đại diện nước ngoài đánh giá khả năng đăng ký	Gói	1	700	700	350	350			0
1.5	Dịch thuật tài liệu (Tiếng Việt - Tiếng Anh - ...)	Gói	1	300	300	150	150			0
<b>2</b>	<b>Đăng ký bảo hộ NHCN/NHHT tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ nước ngoài có khả năng đăng ký bảo hộ thành công; thí điểm cấp/ chuyển giao quyền sử dụng NHCN/NHHT tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ đăng ký bảo hộ và hỗ trợ các đơn vị thí điểm thực hiện lựa chọn kết nối thương mại tại thị trường có các quốc gia/ vùng lãnh thổ đăng ký bảo hộ</b>	<b>Gói</b>	<b>1</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>TRUYỀN THÔNG, QUẢNG BÁ VÀ NÂNG CAO NHẬN BIẾT THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG HIỆU ĐẶC SẢN, SẢN PHẨM ĐẶC THÙ CỦA TỈNH HUNG YÊN</b>				<b>6.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>	<b>2.500</b>	<b>0</b>
1	Khảo sát, nghiên cứu hiện trạng truyền thông và mức độ nhận biết thương hiệu địa phương	Gói	1	1.000	1.000			1.000	0	0
2	Xây dựng chiến lược truyền thông tổng thể & các công cụ truyền thông cho sản phẩm	Gói	1	1.500	1.500			1.500	0	0
3	Tổ chức chuỗi sự kiện truyền thông, quảng bá có điểm nhấn	Gói	1	3.000	3.000			1.000	2.000	0
4	Đánh giá tác động và xây dựng kế hoạch duy trì truyền thông sau dự án	Gói	1	500	500				500	0
<b>VIII</b>	<b>PHÁT TRIỂN SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP VÀ NHÃN HIỆU CHO DOANH NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (ưu tiên doanh nghiệp công nghiệp chủ lực – gắn với hoạt động R&amp;D và bí mật kinh doanh)</b>				<b>23.350</b>	<b>3.400</b>	<b>7.000</b>	<b>5.275</b>	<b>5.275</b>	<b>2.400</b>
1	Hỗ trợ tư vấn, thiết kế logo và đăng ký bảo hộ cho các nhận diện trong nước (cho 01 nhóm sản phẩm/dịch vụ)	Gói	1	20.000	20.000	3.000	6.000	4.500	4.500	2.000
2	Hỗ trợ tư vấn và đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trong nước	Gói	1	1.200	1.200	300	300	300	300	0
3	Hỗ trợ tư vấn và đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích trong nước	Gói	1	500	500	100	100	100	100	100
4</										